



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT
TRIỂN GIÁO DỤC PHƯƠNG NAM**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Các Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 25

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã hai lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng.

Vốn góp thực tế đến ngày 31/12/2011: 80.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 231 Nguyễn Văn Cừ, Phường 4, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84) 38300707
- Fax: (84) 38300702
- Website: www.sachhocktro.com.vn

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm;
- Thiết kế đồ họa, dịch thuật;
- Sản xuất mua bán: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ in ấn: đóng bì; gáy sách; mạ nhũ, mạ vàng; nhuộm màu bìa sách;
- Thiết kế tạo mẫu;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán), tư vấn du học;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối niên độ kế toán là 62 người. Trong đó, nhân viên quản lý là 10 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

- | | | |
|-------------------------|----------|--------------------------|
| • Ông Xà Thiệu Hoàng | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 20/04/2010 |
| • Bà Lê Phương Mai | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |
| • Ông Trần Đức Thịnh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |
| • Ông Nguyễn Minh Khang | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |
| • Bà Hoàng Minh Tâm | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 09/04/2010 |

Ban kiểm soát

- | | | |
|-----------------------|------------|--------------------------|
| • Bà Đặng Thanh Trúc | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |
| • Bà Nguyễn Thị Chanh | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |
| • Ông Lê Xuân Huy | Ủy viên | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

- | | | |
|----------------------|----------------|--------------------------|
| • Ông Xà Thiệu Hoàng | Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |
| • Bà Đặng Thục Trinh | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |
| • Bà Mai Ngọc Liên | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2012 |
| • Bà Ngô Thị Nha Thy | Phó Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 01/01/2012 |
| • Bà Lê Phương Mai | Kế toán trưởng | Bổ nhiệm ngày 17/05/2007 |

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0511.3655886; Fax: (84) 0511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dnng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các thành viên của Ban Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc
Giám đốc

Xà Thiệu Hoàng

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2012



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC
THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính
217 Nguyễn Văn Linh, Q. Thanh Khê, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.511.3655886; Fax: 84.511.3655887
Email: aac@dng.vnn.vn
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh
47-49 Hoàng Sa (Tầng 5 Tòa nhà Hoàng Đan)
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 181/BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 3 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 14/02/2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 25. Các Báo cáo tài chính này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày Báo cáo tài chính.

KT. Tổng Giám đốc

Lê Khắc Minh
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ.0103/KTV

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0753/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung

có liên quan của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		173.867.073.361	164.719.592.716
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	18.008.767.802	3.607.784.433
1. Tiền	111		16.008.767.802	3.607.784.433
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.000.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		27.412.876.207	24.076.772.041
1. Phải thu khách hàng	131		17.081.608.686	23.063.074.029
2. Trả trước cho người bán	132		9.751.818.649	848.261.749
3. Các khoản phải thu khác	135	6	827.483.146	289.453.400
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(248.034.274)	(124.017.137)
IV. Hàng tồn kho	140		122.325.576.683	130.393.941.012
1. Hàng tồn kho	141	8	122.325.576.683	130.393.941.012
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		6.119.852.669	6.641.095.230
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	6.047.852.669	6.290.859.416
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	350.235.814
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	10	72.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		39.816.435.458	39.739.827.257
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		52.008.524	316.745.764
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	52.008.524	316.745.764
- Nguyên giá	222		2.303.211.689	2.317.486.689
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.251.203.165)	(2.000.740.925)
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	12	36.880.463.275	36.482.373.000
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	12	38.108.680.000	35.738.600.000
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	770.000.000	1.617.000.000
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(1.998.216.725)	(873.227.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		2.883.963.659	2.940.708.493
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	2.883.963.659	2.940.708.493
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		213.683.508.819	204.459.419.973

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**Ngày 31 tháng 12 năm 2011**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		115.688.225.711	109.839.526.028
I. Nợ ngắn hạn	310		115.548.835.831	109.777.888.941
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	40.025.000.000	31.021.768.460
2. Phải trả người bán	312		47.392.606.393	71.249.056.728
3. Người mua trả tiền trước	313		1.061.943.508	1.840.922.313
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	6.959.799.341	2.351.630.502
5. Phải trả người lao động	315		2.848.073.499	201.774.883
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	13.417.202.188	788.067.644
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.844.210.902	2.324.668.411
II. Nợ dài hạn	330		139.389.880	61.637.087
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		139.389.880	61.637.087
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		97.995.283.108	94.619.893.945
I. Vốn chủ sở hữu	410		97.995.283.108	94.619.893.945
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	80.000.000.000	80.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	5.686.057.428	4.358.093.360
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	4.595.966.014	3.268.001.946
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	17	440.972.759	175.379.945
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	17	7.272.286.907	6.818.418.694
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		213.683.508.819	204.459.419.973

Giám đốc**Kế toán trưởng****Xà Thiệu Hoàng****Lê Phương Mai**

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 02 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	18	269.864.716.933	207.317.632.521
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	18	2.565.031.909	1.410.925.138
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	18	267.299.685.024	205.906.707.383
4. Giá vốn hàng bán	11	19	202.405.521.725	159.635.806.276
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		64.894.163.299	46.270.901.107
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	519.119.008	225.773.151
7. Chi phí tài chính	22	21	10.142.187.216	6.803.288.254
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		7.076.786.283	4.663.249.421
8. Chi phí bán hàng	24		9.148.719.864	7.885.376.103
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.198.612.228	8.133.266.060
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		30.923.762.999	23.674.743.841
			-	
11. Thu nhập khác	31	22	1.416.438.466	575.270.698
12. Chi phí khác	32		-	201.320.071
13. Lợi nhuận khác	40		1.416.438.466	373.950.627
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	23	32.340.201.465	24.048.694.468
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	5.780.920.097	6.510.699.910
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	23	26.559.281.368	17.537.994.558
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	3.320	2.192

Giám đốc

Kế toán trưởng

Xà Thiệu Hoàng
Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2012

Lê Phương Mai

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03 - DN
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các sửa đổi, bổ sung
có liên quan của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	272.260.564.234	212.458.998.119
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(240.021.145.157)	(181.016.898.542)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.499.038.906)	(6.357.797.266)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(7.076.786.283)	(4.663.249.421)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.785.196.964)	(8.404.257.028)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.892.270.804	13.189.870.313
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(8.553.970.652)	(11.850.838.803)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.216.697.076	13.355.827.372
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	454.545	16.731.528
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.720.080.000)	(5.595.000.000)
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	781.561.200	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	519.119.008	225.773.151
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.418.945.247)	(5.352.495.321)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	120.159.668.814	93.597.979.277
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(111.156.437.274)	(92.576.010.817)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.400.000.000)	(12.800.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.603.231.540	(11.778.031.540)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	14.400.983.369	(3.774.699.489)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	3.607.784.433	7.382.483.922
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	18.008.767.802	3.607.784.433

Giám đốc

Kế toán trưởng

Xà Thiệu Hoàng
Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2012

Lê Phương Mai

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 309/QĐ – UB ngày 23/03/2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103006644 ngày 09 tháng 05 năm 2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã hai lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 17 tháng 10 năm 2008.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 458/QĐ - SGDHN ngày 11/08/2009 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán SED. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là 19/08/2009.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Sản xuất, kinh doanh thiết bị giáo dục, văn hóa phẩm;
- Thiết kế đồ họa, dịch thuật;
- Sản xuất mua bán: Thiết bị, dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, giấy và lịch (không sản xuất tại trụ sở);
- Kinh doanh bất động sản (trừ dịch vụ môi giới, định giá, sàn giao dịch bất động sản);
- Cho thuê văn phòng, nhà xưởng;
- Phát hành sách và ấn phẩm (có nội dung được phép lưu hành);
- In bao bì (không hoạt động tại trụ sở);
- Dịch vụ in ấn: đóng bì; gáy sách; mạ nhũ, mạ vàng; nhuộm màu bìa sách;
- Thiết kế tạo mẫu;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, biên tập sách, tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính kế toán), tư vấn du học;
- Sản xuất, mua bán thiết bị dạy học, giấy và sản phẩm từ giấy (không tái chế phế thải, gia công cơ khí và xi mạ điện tại trụ sở);
- Sản xuất băng đĩa từ tính, quang học và sao chép bản ghi (không hoạt động tại trụ sở);
- Mua bán sách, tạp chí, băng đĩa (không mua bán, cho thuê băng đĩa tại trụ sở).

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán: Nhật ký chung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và do đánh giá lại số dư cuối kỳ được phản ánh vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

4.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng. Công ty thực hiện khấu hao nhanh, tỷ lệ khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phương tiện vận tải	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	1,5

4.6 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.7 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.8 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến thời điểm 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong năm. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.9 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay trong giai đoạn đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ bản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó. Khi công trình hoàn thành thì chi phí đi vay được tính vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh.

4.10 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế sau khi trích lập các quỹ được chia cho các cổ đông theo Nghị quyết của Đại hội Cổ đông.

4.11 Ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không có khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang thực hiện

- Thuế Giá trị gia tăng:
 - + Sách giáo khoa, sách tham khảo hỗ trợ cho sách giáo khoa: Thuộc đối tượng không chịu thuế;
 - + Lịch: Áp dụng thuế suất 10%;
 - + Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%. Trong năm 2011, Công ty được miễn 30% số thuế TNDN phải nộp theo Nghị định 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ và Thông tư số 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Nghị định trên.
- Các loại Thuế khác và Lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.14 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	939.720.851	907.353.388
Tiền gửi ngân hàng	15.069.046.951	2.700.431.045
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	2.000.000.000	-
Cộng	18.008.767.802	3.607.784.433

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu Công ty chứng khoán Thăng Long	110.000.000	110.000.000
Phải thu về thuế TNCN của cán bộ CNV	479.793.600	179.453.400
Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt	212.939.546	-
Các đối tượng khác	24.750.000	-
Cộng	827.483.146	289.453.400

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	248.034.274	124.017.137
Cộng	248.034.274	124.017.137

8. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	77.868.606.662	67.136.430.157
Chi phí SX, KD dở dang	19.365.303.942	24.863.476.957
Thành phẩm	25.091.666.079	38.394.033.898
Cộng	122.325.576.683	130.393.941.012

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế GTGT đầu vào chờ phân bổ cho hàng chưa tiêu thụ	6.047.852.669	6.272.485.416
Chi phí trả trước khác	-	18.374.000
Cộng	6.047.852.669	6.290.859.416

10. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	72.000.000	-
Cộng	72.000.000	-

11. Tài sản cố định hữu hình

	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.793.514.696	523.971.993	2.317.486.689
Mua sắm trong năm	-	-	-
T/lý, nhượng bán	-	14.275.000	14.275.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.793.514.696	509.696.993	2.303.211.689
Khấu hao			
Số đầu năm	1.481.182.646	519.558.279	2.000.740.925
Khấu hao trong năm	260.323.526	4.413.714	264.737.240
T/lý, nhượng bán	-	14.275.000	14.275.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	1.741.506.172	509.696.993	2.251.203.165
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	312.332.050	4.413.714	316.745.764
Số cuối năm	52.008.524	-	52.008.524

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 1.928.545.022 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

12. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2011		31/12/2010
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		38.108.680.000		35.738.600.000
- Cty CP Thiết bị Giáo dục 2 (44,2% VDL)	1.512.508	38.108.680.000	1.275.500	35.738.600.000
Đầu tư dài hạn khác		770.000.000		1.617.000.000
- Cty CP Siêu thị Tổng hợp Tân An	-	-	79.800	1.197.000.000
- Cty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	77.000	770.000.000	42.000	420.000.000
Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư	-	(1.998.216.725)	-	(873.227.000)
- Cty CP Thiết bị Giáo dục 2		(1.998.216.725)		(815.847.000)
- Cty CP Siêu Thị Tổng hợp Tân An		-		(57.380.000)
Cộng		36.880.463.275		36.482.373.000

Cho đến thời điểm này, Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục 2. Khoản dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục 2 được trích lập trên cơ sở số liệu của Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2011 chưa được kiểm toán.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Chi phí bản quyền truyện tranh	125.015.659	232.171.937
Chi phí tổ chức SGK theo hướng đổi mới	-	54.555.556
Chi phí tổ chức bản thảo	2.758.948.000	2.653.981.000
Cộng	2.883.963.659	2.940.708.493

14. Vay và nợ ngắn hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	40.025.000.000	31.021.768.460
- Ngân hàng TNHH MTV HSBC	16.000.000.000	18.121.768.460
- Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	-	8.200.000.000
- Ngân hàng TMCP Vietcombank	19.425.000.000	-
- Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	-	2.700.000.000
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Đồng Nai	4.000.000.000	-
- Phan Quỳnh Anh	-	2.000.000.000
- Nguyễn Thị Thu Dung	600.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	40.025.000.000	31.021.768.460

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	172.444.434	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.780.920.097	1.785.196.964
Thuế thu nhập cá nhân	1.006.434.810	566.433.538
Cộng	6.959.799.341	2.351.630.502

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

16. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	211.602.188	131.232.894
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	392.400.000	656.834.750
- Công ty TNHH In Sài Gòn Giải phóng	-	344.982.000
- Công ty CP In Nông nghiệp	-	311.852.750
- Công ty Cổ phần In Nguyễn Văn Thành	20.000.000	-
- Công ty Cổ phần In Thương mại Phú Yên	20.000.000	-
- Công ty Cổ phần In số 4	352.400.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.813.200.000	-
- Cổ tức phải trả	12.800.000.000	-
- Phải trả khác	13.200.000	-
Cộng	13.417.202.188	788.067.644

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	80.000.000.000	3.481.193.632	2.391.102.218	-	6.640.302.721
Tăng trong năm	-	876.899.728	876.899.728	175.379.945	17.537.994.558
Giảm trong năm	-	-	-	-	17.359.878.585
Số dư tại 31/12/2010	80.000.000.000	4.358.093.360	3.268.001.946	175.379.945	6.818.418.694
Số dư tại 01/01/2011	80.000.000.000	4.358.093.360	3.268.001.946	175.379.945	6.818.418.694
Tăng trong năm	-	1.327.964.068	1.327.964.068	265.592.814	26.559.281.368
Giảm trong năm	-	-	-	-	26.105.413.155
Số dư tại 31/12/2011	80.000.000.000	5.686.057.428	4.595.966.014	440.972.759	7.272.286.907

b. Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu thường	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu thường	8.000.000	8.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

c. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	6.818.418.694	6.640.302.721
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	26.559.281.368	17.537.994.558
Các khoản giảm trừ lợi nhuận sau thuế	26.105.413.155	17.359.878.585
Phân phối lợi nhuận năm trước	6.400.000.000	6.400.000.000
- Chia cổ tức	6.400.000.000	6.400.000.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	19.705.413.155	10.959.878.585
- Trích quỹ đầu tư phát triển	1.327.964.068	876.899.728
- Trích quỹ dự phòng tài chính	1.327.964.068	876.899.728
- Trích quỹ KTQL, quỹ khen thưởng Ban điều hành	3.983.892.205	2.630.699.184
- Trích quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ	265.592.814	175.379.945
- Chia cổ tức	12.800.000.000	6.400.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.272.286.907	6.818.418.694

Việc phân phối lợi nhuận sau thuế được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 94/NQ-ĐHCD ngày 08/4/2011.

18. Doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu	269.864.716.933	207.317.632.521
Doanh thu sách giáo khoa, sách bổ trợ	188.765.898.845	156.649.091.815
Doanh thu sách tham khảo	39.684.769.222	34.707.573.277
Doanh thu lịch bloc	6.330.568.050	2.727.104.159
Doanh thu hoạt động khác	35.083.480.816	13.233.863.270
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.565.031.909	1.410.925.138
+ Hàng bán bị trả lại	2.565.031.909	1.410.925.138
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	267.299.685.024	205.906.707.383

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***19. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn sách giáo khoa, sách bổ trợ	140.004.066.707	119.540.241.867
Giá vốn sách tham khảo	25.156.339.999	24.405.528.718
Giá vốn lịch bloc	5.323.436.741	2.396.890.779
Giá vốn hoạt động khác	31.921.678.278	13.293.144.912
Cộng	202.405.521.725	159.635.806.276

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	502.319.008	149.713.151
Cổ tức, lợi nhuận được chia	16.800.000	76.060.000
Cộng	519.119.008	225.773.151

21. Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	7.076.786.283	4.663.249.421
Chiết khấu thanh toán	1.524.972.408	1.381.811.833
Lỗ do thanh lý cổ phiếu	415.438.800	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.124.989.725	758.227.000
Cộng	10.142.187.216	6.803.288.254

22. Thu nhập khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Nhập vật tư thừa từ cắt rọc	1.256.500.541	439.783.636
Nhận tiền tài trợ	-	97.791.898
Thu phí tham gia hội sách	60.628.907	20.963.636
Thu nhập từ bán thanh lý TSCĐ	454.545	16.731.528
Thu khác	98.854.473	-
Cộng	1.416.438.466	575.270.698

23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và lợi nhuận sau thuế trong năm

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.340.201.465	24.048.694.468
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	693.627.658	864.461.535
Điều chỉnh tăng	710.427.658	940.521.535
- Chi phí không hợp lệ	707.427.658	748.341.021
- Chi phí phạt thuế	3.000.000	192.180.514
Điều chỉnh giảm (Cổ tức, lợi nhuận được chia)	16.800.000	76.060.000
Tổng thu nhập chịu thuế	33.033.829.123	24.913.156.003
Thuế Thu nhập doanh nghiệp (25%)	8.258.457.281	6.228.289.001
Thuế TNDN được giảm theo TT 154/2011/TT-BTC	2.477.537.184	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.780.920.097	6.510.699.910
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay	5.780.920.097	6.228.289.001
- Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	282.410.909
Lợi nhuận sau thuế TNDN	26.559.281.368	17.537.994.558

24. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.559.281.368	17.537.994.558
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	26.559.281.368	17.537.994.558
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	8.000.000	8.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.320	2.192

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***25. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	74.839.523.622	85.657.553.612
Chi phí nhân công	10.618.029.629	6.980.425.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	264.737.240	656.730.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	71.072.135.114	62.393.542.522
Chi phí khác bằng tiền	4.523.949.099	3.567.567.800
Cộng	161.318.374.704	159.255.820.328

26. Các bên liên quan**a. Thông tin về các bên liên quan**

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Đà Nẵng	Công ty đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại TP Hồ Chí Minh	Công ty đầu tư
Chi nhánh Nhà Xuất bản Giáo dục tại Cần thơ	Công ty đầu tư
Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Học liệu	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBTH TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Bình Dương	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách - Thiết bị Bình Thuận	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD tại Hà Nội	Chung công ty đầu tư
Công ty CP ĐT và PTGD tại Đà Nẵng	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Sao Mai	Chung công ty đầu tư
Công ty CP CNTT Trí Đức	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Truyền thông	Chung công ty đầu tư
Công ty CP CP DVXB GD Gia Định	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Chung công ty đầu tư
Công ty CP In SGK tại TP Hồ Chí Minh	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chung công ty đầu tư
Công ty CP Sách TBGD Miền Nam	Chung công ty đầu tư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan của Công ty trong năm**

Công ty liên	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Bán hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	713.451.363
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	126.715.968
Công ty CP CP DVXB GD Gia Định	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	689.732.229
Công ty CP Mĩ thuật Truyền thông	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	234.914.864
Công Ty CP Sách TBGD Miền Nam	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	2.915.684.091
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	7.035.581.711
Cty Cổ phần Học liệu	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	6.842.214.691
Công ty CP Sách và Thiết bị Bình Thuận	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	6.042.458.719
Công ty CP Sách - Thiết bị GD Bình Dương	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	5.907.014.908
Công ty CP Sách - TBTH Tp. Hồ Chí Minh	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	18.548.169.362
Công ty CP ĐT&PTGD Đà Nẵng	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	2.304.386.345
Công ty CP ĐT&PTGD Hà Nội	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	246.357.221
Công ty CP Thiết Bị Giáo Dục 2	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	5.390.936.703
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Cung ứng sách hỗ trợ, sách tham khảo	3.113.540.555
Mua hàng		
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Mua vật tư, phí xuất bản	1.139.994.055
NXBGD tại Hà Nội	Mua sách tham khảo, phí quản lý	1.790.029.253
NXBGD tại Tp. Đà Nẵng	Mua sách tham khảo	350.209.308
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Chi phí tổ chức bản thảo, gia công	1.987.563.851
Công ty CP In SGK Tp. Hồ Chí Minh	Tiền công in, cắt dán, cắt màng,...	2.079.666.017
CN NXBGD Tại TP Cần Thơ	Mua sách giáo khoa	8.672.315.439
Công ty CP CP DVXB GD Gia Định	Mua sách tham khảo	2.182.845.134
Công ty CP CP DVXB GD Hà Nội	Mua sách tham khảo	908.725.462
Công ty CP Mĩ thuật Truyền thông	Mua tem dán	289.940.136
Công Ty CP Sách TBGD Miền Nam	Mua sách giáo khoa, sách tham khảo	6.046.349.236
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Mua sách tham khảo	586.485.352
Cty Cổ phần Học liệu	Mua đĩa, sách tham khảo	521.067.241
Công ty CP Sách - TBTH Tp. Hồ Chí Minh	Mua văn phòng phẩm, sách giáo khoa	213.806.222
Công ty CP ĐT&PTGD Đà Nẵng	Mua sách giáo khoa	2.990.483.455
Công ty CP ĐT&PTGD Hà Nội	Mua sách tham khảo	2.514.384.782
Công ty CP Thiết Bị Giáo Dục 2	Chi phí thuê kho, mặt bằng, điện nước	1.012.768.291
Công ty CP Sách TBGD Cửu Long	Chi phí thuê kho, vận chuyển	708.454.627
Ban quản lý Dự án Mai Thị Lựu	Chuyển tiền góp vốn	2.859.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan của Công ty trong năm (tiếp theo)**Vay ngắn hạn**

Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Vay vốn	4.000.000.000
	Trả nợ gốc	12.200.000.000
	Lãi vay	783.343.435
Công ty CP DV XB Giáo dục Gia Định	Trả nợ gốc	2.700.000.000
	Lãi vay	148.529.167
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Vay vốn	4.000.000.000
	Trả nợ gốc	4.000.000.000
	Lãi vay	22.222.222
Công ty CP Sách và TBTH Đồng Nai	Vay vốn	4.000.000.000

Đầu tư tài chính

Công ty CP Đầu tư Tài chính Giáo dục	Mua cổ phiếu Cty Cổ phần TBGD 2	2.370.080.000
Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sao Mai	Mua cổ phiếu Cty CP DVXB GD Gia Định	350.000.000

c. Số dư với các bên có liên quan vào ngày 31/12/2011

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Nợ phải thu VND	Nợ phải trả VND
NXBGD tại Hà Nội	Phải trả người bán		2.217.492.192
NXBGD tại Tp. Đà Nẵng	Phải trả người bán		388.329.494
NXBGD tại Tp. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán		4.943.053.313
Công ty CP In SGK Tp. Hồ Chí Minh	Phải trả người bán		222.251.378
Công ty CP ĐT&PTGD Hà Nội	Phải trả người bán		178.804.591
CN NXBGD Tại TP Cần Thơ	Phải trả người bán		1.900.000.000
Công ty CP ĐT Tài chính Giáo dục	Phải trả người bán		2.370.080.000
Công ty CP CP DVXB GD Gia Định	Phải trả người bán		1.438.687.541
Công ty CP Mỹ thuật Truyền thông	Phải thu khách hàng	257.538.000	
Công Ty CP Sách TBGD Miền Nam	Phải trả người bán		241.109.928
Công ty CP Sách Giáo dục tại TP.Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	213.103.991	
Công ty CP Sách Đại học Dạy nghề	Phải thu khách hàng	250.000.000	
Cty Cổ phần Học liệu	Phải thu khách hàng	1.294.777.224	
Công ty CP Sách - TBTH Tp. Hồ Chí Minh	Phải thu khách hàng	119.512.142	
Công ty Cổ phần Mỹ thuật Sao Mai	Phải trả người bán		208.069.138
Công ty CP Công Nghệ Thông Tin Trí Đức	Phải thu khách hàng	313.401.246	
Công ty CP Thiết Bị Giáo Dục 2	Phải thu khách hàng	1.209.948.667	
Ban quản lý Dự án Mai Thị Lựu	Ứng trước người bán	3.549.000.000	

27. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	134.611.041.726	108.683.397.142
Chi phí nhân công	10.618.029.629	6.980.425.905
Chi phí khấu hao tài sản cố định	264.737.240	656.730.489
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.756.250.726	55.967.647.174
Chi phí khác bằng tiền	5.502.794.496	3.567.567.800
Cộng	226.752.853.817	175.855.768.510

28. Cổ tức

Đại hội cổ đông thường niên của Công ty vào ngày 08/4/2011 đã quyết định chia cổ tức từ lợi nhuận năm 2010 là 16% vốn điều lệ. Theo đó, trừ cổ tức đã tạm ứng năm 2010 (8% trên vốn điều lệ), Công ty tiếp tục chia cổ tức còn lại của năm 2010 là 8% trên vốn điều lệ tương ứng 6.400.000.000 đồng.

Theo Thông báo số 375/TB ngày 29/11/2011, Công ty tạm ứng cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 16% trên vốn điều lệ. Ngày chốt quyền được hưởng cổ tức là 26/12/2011 và ngày thực hiện chi trả là 09/01/2012.

29. Các cam kết

Theo Hợp đồng góp vốn đầu tư số 03/HĐGVĐT-2011 ngày 29/08/2011 với Nhà xuất bản giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh để thực hiện Dự án “Xây dựng cao ốc văn phòng làm việc tại địa điểm Mai Thị Lựu, Phường ĐaKao, TP. Hồ Chí Minh”. Tổng vốn đầu tư của dự án này là 40.000.000.000 đồng (Trong đó: vốn góp NXBGD tại TP. Hồ Chí Minh là 10%, Công ty cam kết góp 30%, phần còn lại là vốn góp của các đối tượng khác). Theo đó, sau khi dự án hoàn thành Công ty sẽ được sử dụng 25% m² diện tích sàn để làm văn phòng làm việc. Toàn bộ chi phí đầu tư do Ban quản lý dự án Mai Thị Lựu tập hợp và theo dõi. Hiện nay, dự án đang trong quá trình đầu tư xây dựng.

30. Báo cáo bộ phận: Theo khu vực địa lý

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Hồ Chí Minh	Khánh Hoà	Đắc Lắc	Đồng Nai	Khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
Doanh thu bán hàng	46.057	15.113	13.227	10.896	182.006	267.299
Phải thu khách hàng	2.434	69	283	86	14.209	17.081

31. Sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

32. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.

Giám đốc

Kế toán trưởng

Xà Thiệu Hoàng

Lê Phương Mai

Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2012